

Số: 335 /BC-SNV

Quảng Trị, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III năm 2026

Thực hiện Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của tỉnh Quảng Trị năm 2026; Kế hoạch số 131/KH-SNV ngày 12/01/2026 của Sở Nội vụ về công tác cải cách hành chính của Sở Nội vụ năm 2026, Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính (CCHC) Quý III năm 2026 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Sở. Lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm chỉ đạo, điều hành và ban hành kịp thời các kế hoạch, văn bản để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo chương trình, kế hoạch của tỉnh.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC của Sở được gắn với các nhiệm vụ trọng tâm như: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Trên cơ sở Kế hoạch CCHC năm 2026, ngày 04/6/2026, Sở đã ban hành Kế hoạch số 2605/KH-SNV về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026. Theo đó, trong Quý III năm 2026, Sở sẽ tiến hành kiểm tra định kỳ đối với 03 đơn vị gồm: Văn phòng Sở, Phòng Người có công và Trung tâm Quản lý nghĩa trang liệt sĩ. Đồng thời, Sở sẽ tổ chức kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu của Lãnh đạo Sở hoặc căn cứ tình hình thực tế nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; thực hiện chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật, theo Kế hoạch mà Sở Nội vụ đã ban hành¹.

Thường xuyên phổ biến, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động Sở; đồng thời phân công các tổ chức, đơn vị thuộc Sở tham mưu thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực phụ trách. Nhờ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách được triển khai áp dụng nghiêm túc và có hiệu quả hơn trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở còn tích cực phối hợp với Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các phương tiện truyền thông tham gia chuyên mục phóng sự, trả lời phỏng vấn, tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến công tác nội vụ, cũng như giải đáp các vấn đề mà dư luận xã hội, Nhân dân đang quan tâm như công tác sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập; công tác cải cách hành chính; chính sách người có công ...

Thường xuyên đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ trên chuyên mục “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật” trên Trang thông tin điện tử của Sở để tuyên truyền về các văn bản, quy định pháp luật có liên quan, truyền thông dự thảo chính sách để tuyên truyền về các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Sở Nội vụ tham mưu trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành đối với 12 dự thảo.

b) Công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Trong Quý III/2026, Sở Nội vụ đã chủ trì xây dựng, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành tổng số 10 văn bản QPPL (04 Nghị quyết của HĐND tỉnh² và

¹ - Kế hoạch số 660/KH-SNV ngày 12/02/2026 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026 của Sở Nội vụ;

- Kế hoạch số 370/KH-SNV ngày 27/01/2026 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 của Sở Nội vụ;

- Kế hoạch số 416/KH-SNV ngày 29/01/2026 về thực hiện công tác pháp chế năm 2026 của Sở Nội vụ;

- Kế hoạch số 736/KH-SNV ngày 27/02/2026 về triển khai thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”;

- Kế hoạch số 789/KH-SNV ngày 03/3/2026 về tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2027.

² - Nghị quyết 15/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quy định về chính sách của địa phương hỗ trợ về nhà ở cho con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do cơ cấu, kiện toàn đội ngũ khi sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết 27/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quy định đối tượng và mức thăm, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7) hằng năm;

02 Quyết định của UBND tỉnh³); bên cạnh đó, đã trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, ban hành đối với 02 Quyết định của UBND tỉnh⁴ và 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh⁵. Đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành: việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Công tác tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh được thực hiện đảm bảo chất lượng về nội dung, thời gian trình; góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh về rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Nội vụ năm 2026. Ban hành Kế hoạch số 420/KH-SNV ngày 29/01/2026 về theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 của Sở Nội vụ.

Tiếp tục việc thực hiện rà soát, xử lý các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình và HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (cũ), đến nay còn 07 văn bản QPPL chưa được xử lý. Sở Nội vụ sẽ tiếp tục tham mưu xử lý, bãi bỏ, thay thế theo đúng tiến độ đề ra, đảm bảo hoàn thành trong năm 2026.

Thực hiện Kế hoạch số 1915/KH-UBND ngày 16/4/2026 của UBND tỉnh và Công văn số 2093/UBND-NC ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 2011/SNV-VP ngày 05/5/2026 để quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ. Bên cạnh đó, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Tư pháp tại

- Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

³ - Quyết định số 71/2026/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị

⁴ Quyết định ban hành Quy định phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

⁵ Quyết định phân cấp thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tuyển dụng, sử dụng, thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Công văn số 1500/STP-QLVB về việc thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Sở đã ban hành Công văn số 2063/SNV-VP ngày 08/5/2026 để các tổ chức, đơn vị trực thuộc tiếp cận, cập nhật nội dung và tổ chức thực hiện theo lĩnh vực phụ trách đảm bảo theo đúng trình tự, nội dung quy định. Sau khi báo cáo kết quả sơ bộ lần 1, Sở Nội vụ tiếp thu các ý kiến thẩm định, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung để thực hiện rà soát tổng thể văn bản QPPL lĩnh vực nội vụ, báo cáo cấp có thẩm quyền theo thời gian quy định.

b) Về thực hiện quy chế làm việc

Sở đã ban hành Quy chế làm việc của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị và triển khai thực hiện, đến nay các nội dung tại Quy chế vẫn đảm bảo triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của Sở⁶. Toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Sở luôn thực hiện đúng quy chế làm việc của tỉnh và các quy chế, quy định của Sở.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Cải cách thủ tục hành chính

Trong Quý III, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 06 quyết định⁷ công bố mới, sửa đổi 42 thủ tục hành chính (cấp tỉnh 31, cấp xã 11); đồng thời bãi bỏ 06 thủ tục hành chính. Đến nay, Sở Nội vụ có 136 TTHC thuộc chức năng quản lý, giải quyết (gồm 72 thủ tục cấp tỉnh; 19 thủ tục cấp xã; 41 thủ tục liên thông cấp xã - cấp tỉnh; cấp xã - cấp tỉnh- trung ương; 04 thủ tục dùng chung cấp xã, cấp tỉnh).

TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 quyết định⁸ công bố mới, sửa đổi 17 TTHC; bãi bỏ 09 TTHC. Hiện nay, Sở có 33 TTHC nội bộ (cấp tỉnh: 30; cấp xã: 03):

Căn cứ các quyết định của Bộ Nội vụ, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 quyết định đơn giản hóa tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được cắt giảm, thay thế bằng dữ liệu điện tử; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC⁹.

⁶ Quyết định số 2459/QĐ-SNV ngày 03/9/2025 của Sở Nội vụ ban hành Quy chế làm việc của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 161/QĐ-TTQLNTLS ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm Quản lý nghĩa trang liệt sĩ; Quyết định số 59/QĐ-TTĐVVL ngày 05/9/2026 ban hành quy chế làm việc của Trung tâm Dịch vụ việc làm; Quyết định số 100/QĐ-TTĐĐ ngày 14/8/2026 ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm Điều dưỡng người có công.

⁷ Các quyết định của UBND tỉnh: 2512/QĐ-UBND ngày 29/06/2026; 2797/QĐ-UBND ngày 15/07/2026; 3091/QĐ-UBND ngày 29/07/2026; 3413/QĐ-UBND ngày 19/08/2026; 3457/QĐ-UBND ngày 21/08/2026; 3459/QĐ-UBND ngày 21/08/2026.

⁸ Các Quyết định của UBND tỉnh: 2247/QĐ-UBND ngày 12/06/2026; 3109/QĐ-UBND ngày 30/7/2026; 3618/QĐ-UBND ngày 27/8/2026.

⁹ Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Quảng Trị ưu tiên thực hiện tái thiết kế quy trình: 06 thủ tục.

Công khai đầy đủ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở; tiếp tục rà soát, sửa đổi thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo hướng không yêu cầu nộp các thành phần hồ sơ có thể khai thác được từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Bộ Nội vụ. Đến nay, Hệ thống của Bộ Nội vụ đã tích hợp, triển khai tiếp nhận và xử lý 100% dịch vụ công trực tuyến.

b) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- *Về tình hình tổ chức và hoạt động của bộ phận một cửa:*

Hoàn thành Bàn giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả TTHC cho đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đối với 124 thủ tục, đạt tỷ lệ 100%.

Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tổ chức rà soát việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ Nội vụ (<http://motcua.moha.gov.vn>); rà soát triển khai thực hiện các chỉ tiêu về DVC trực tuyến, số hóa kết quả TTHC và xử lý hồ sơ TTHC theo đúng quy định; cấp tài khoản, ký cam kết bảo mật thông tin đối với công chức, viên chức tiếp nhận và trả kết quả TTHC trong việc sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tiếp tục duy trì 02 quầy giao dịch của Sở Nội vụ và cử 02 công chức, viên chức; từ 01/7 đã chuyển giao việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính công ích.

- *Về kết quả giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết:*

+ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: từ ngày 10/6 đến 09/9/2026), Sở đã tiếp nhận 2744 hồ sơ (tiếp nhận trong kỳ: 2428 hồ sơ; từ kỳ trước chuyển sang 316 hồ sơ); đã giải quyết trước hạn: 2294 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; không có hồ sơ quá hạn; 392 hồ sơ đang giải quyết (chưa đến hạn); 58 hồ sơ rút/dừng xử lý.

+ Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: 2428/2428 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 100%.

+ Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử 2032/2036 hồ sơ đã

Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của UBND tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực thi theo phương án đơn giản hoá lĩnh vực Người có công và Quản lý nhà nước về hội, quỹ áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: 09 thủ tục.

Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của UBND tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực thi theo phương án đơn giản hoá lĩnh vực Người có công và Quản lý nhà nước về hội, quỹ áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: 09 thủ tục.

giải quyết xong, đạt tỷ lệ 99,8% (yêu cầu 100%); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,2% (yêu cầu tối thiểu 80%).

- Về kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính: đã thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan; danh sách, số điện thoại đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị đúng quy định; cán bộ một cửa, công chức nghiệp vụ hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính. Trong kỳ báo cáo, không có phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Sở Nội vụ thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, đảm bảo sắp xếp lại tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, giảm số lượng đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các phòng, đơn vị phù hợp với quy định về quản lý, sử dụng công chức, viên chức.

Trên cơ sở Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nội vụ đã tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế và thực trạng bố trí, sử dụng công chức của Cơ quan Sở; xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo từng vị trí, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc; hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê duyệt, làm cơ sở cho việc quản lý, bố trí và sử dụng công chức theo quy định¹⁰.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, Sở Nội vụ đã hướng dẫn rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc và thực trạng sử dụng viên chức; trên cơ sở đó xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo quy định tại Nghị định số 232/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Việc xây dựng vị trí việc làm được gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và yêu cầu thực tế của từng đơn vị, làm cơ sở để bố trí, sử dụng và quản lý viên chức phù hợp, hiệu quả¹¹.

Căn cứ Nghị định số 121/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và các quy định có liên quan, nhằm tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối bên trong, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, Sở Nội vụ đã xây dựng dự thảo Đề án tổ chức lại Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ và gửi các cơ quan có liên quan tham gia ý kiến để tiếp tục hoàn thiện Đề án, làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức lại Ban Thi đua - Khen thưởng theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng biên chế được thực hiện đúng quy định. Trên cơ sở

¹⁰ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của Sở Nội vụ.

¹¹ Quyết định số 3085/QĐ-UBND, 3095/QĐ-UBND, 3097/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ việc làm, Trung tâm Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ, Trung tâm Điều dưỡng người có công.

số chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao, Sở Nội vụ đã rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng công chức, viên chức và người lao động để bố trí biên chế làm việc phù hợp trong các phòng, đơn vị thuộc Sở.

Số lượng lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở và số lượng lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại tại cơ quan: trong kỳ báo cáo, Sở Nội vụ không phát sinh trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý tại cơ quan.

b) Thực hiện chế độ tiền lương: Sở Nội vụ đã rà soát điều kiện, tiêu chuẩn và hoàn thiện hồ sơ, trình Tỉnh ủy xem xét nâng bậc lương thường xuyên đối với 02 công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách tiền lương theo quy định.

c) Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức: trên cơ sở các quy định về đánh giá, xếp loại, Sở Nội vụ đã thực hiện quy trình và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét đánh giá, xếp loại chất lượng quý II đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý. Đồng thời, triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2026 của Sở và danh mục sản phẩm/công việc của công chức, viên chức, làm cơ sở phục vụ việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại chất lượng theo KPI.

d) Xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 hoặc việc triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh, Sở Nội vụ hoặc các sở, ngành có liên quan về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức được quan tâm, tạo điều kiện, việc tuyển chọn, bố trí cán bộ cho đi đào tạo, bồi dưỡng được căn cứ vào vị trí công việc, tiêu chuẩn ngạch công chức, nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan; gắn với quy hoạch, sử dụng cán bộ của Sở.

Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của UBND tỉnh và của Sở, công chức, viên chức Sở Nội vụ đã tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ Nội vụ, Công an tỉnh các sở ngành cấp tỉnh tổ chức. Tham gia các khóa học trực tuyến, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến...¹²

đ) Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức: thực hiện Kế hoạch số 3743/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh, ngày 03/8/2026, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 4128/KH-SNV về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở Sở Nội vụ năm

¹² Tập huấn an ninh mạng năm 2026 do Công an tỉnh tổ chức; Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Hiến pháp và pháp luật; Cuộc thi pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế do Sở Tư pháp tổ chức; Cuộc thi tìm hiểu về mất cân bằng giới tính khi sinh...

2026; thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở Sở Nội vụ năm 2026 (Quyết định số 160/QĐ-SNV ngày 04/8/2026) để triển khai thực hiện.

Đến nay, toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực phục vụ của cơ quan, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

Trước ngày 01/5/2026, Sở Nội vụ có 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở. Các đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nội vụ về thực hiện các nhiệm vụ cơ bản là quản lý lưu trữ lịch sử, hoạt động dịch vụ lưu trữ; tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động cho người sử dụng lao động và thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp và đào tạo giáo dục nghề nghiệp...; tổ chức về hoạt động điều dưỡng cho người có công với cách mạng và quản lý nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh... Các đơn vị đã thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi thường xuyên, từng bước phân bổ các quỹ thu nhập, khen thưởng, phúc lợi, đồng thời tích lũy quỹ dự phòng cải cách tiền lương, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tăng cường cơ sở vật chất.

Ngày 07/4/2026, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 1318/QĐ-UBND về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị, theo đó tổ chức sắp xếp lại còn 04 đơn vị sự nghiệp công lập từ ngày 01/5/2026 (giảm 02 đơn vị). Sau sắp xếp, Sở Nội vụ đã có Công văn số 188/SBV-VP ngày 25/8/2026 gửi các đơn vị yêu cầu triển khai rà soát dự toán thu, chi thường xuyên năm 2026, xây dựng phương án tự chủ tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét thẩm định.

Cơ quan Văn phòng Sở và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở đã ban hành và tiếp tục thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định¹³.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Triển khai ứng dụng có hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường; Hệ thống thư điện tử công vụ...

Ứng dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phục vụ công tác quản lý: Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Phần mềm số hóa, tra cứu hồ sơ người có công; Phần mềm tra cứu thông tin liệt sĩ... Sử dụng các

¹³ QĐ số 75/QĐ-SNV ngày 20/5/2026 của Sở Nội vụ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 201/QĐ-TTQLNLTLS ngày 11/8/2026 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Quản lý nghĩa trang liệt sĩ.

nền tảng phần mềm do Bộ Nội vụ cung cấp, để tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh: Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Nội vụ; Phần mềm điều tra cơ sở hành chính và đơn vị sự nghiệp năm 2026; Lao động - việc làm; Người có công; Tổ chức - bộ máy; Hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức...

Ứng dụng hiệu quả chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho Lãnh đạo, kế toán, văn thư; công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa, tham gia giải quyết TTHC; ứng dụng ký số bằng SIM điện thoại đối với 7/7 Lãnh đạo Sở.

Vận hành và cập nhật thường xuyên nội dung trên Trang thông tin điện tử của Sở (địa chỉ: <https://snv.quangtri.gov.vn>).

(Phụ lục số liệu thống kê đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác cải cách hành chính tại Sở được quan tâm, công tác cải cách hành chính tại đơn vị đã đi vào nề nếp. Qua đó, chất lượng phục vụ và hiệu quả công vụ được cải thiện đáng kể, đáp ứng tốt các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, giảm đầu mối quản lý (giảm 02 đơn vị sự nghiệp). Các đơn vị sau khi được tổ chức lại nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động, không để gián đoạn thực hiện nhiệm vụ.

Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được cải thiện đáng kể, không còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn. Các chỉ tiêu về tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ cơ bản đạt yêu cầu.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý III năm 2026 của Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng CCHC (tổng hợp);
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Xuân Toàn

Phụ lục

Tổng hợp thông tin, số liệu công tác CCHC Quý III năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày / 9/ 2026 của Sở Nội vụ)

Biểu mẫu 1
CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ đã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
¹ Văn bản quy phạm pháp luật.				

2
Biểu mẫu 2
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	15	QĐ số 3200/QĐ-UBND (06 thủ tục); QĐ số 3413/QĐ-UBND (09 thủ tục)
1.2.	Số TTHC công bố mới/ sửa đổi, bổ sung	Thủ tục	42	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	06	
1.4.	Tổng số TTHC	Thủ tục	136	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	124	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>83,6%</i>	<i>2294/2744 hồ sơ</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn, đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>100%</i>	<i>2294/2294 hồ sơ</i>
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	

Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ phòng, đơn vị đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) trực thuộc Sở	Cơ quan, đơn vị	4	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	117	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	84	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	8	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	103	Cuối năm
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	96	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

Biểu mẫu 4
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	04	Giảm 02 đơn vị từ ngày 01/5/2026
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 5
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	61,17	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	255	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	156	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	4	Từ 01/5/2026
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	(đang xác định lại)	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Trước ngày 01/5/2026, theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ, Sở Nội vụ 06 đơn vị sự nghiệp công lập:

- 01 đơn vị tự chủ chi thường xuyên - nhóm 2 (Trung tâm DVVL Nam Quảng Trị: 100%);

- 02 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên - nhóm 3 (Trung tâm LTLS Quảng Trị: 21%; Trung tâm DVVL Quảng Trị: 20%);

- 03 đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên - nhóm 4 (Trung tâm LTLS Nam Quảng Trị, Trung tâm Điều dưỡng luân phiên người có công Quảng Trị; Trung tâm Điều dưỡng NCC và Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Quảng Trị).

Biểu mẫu 6

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử	%	100%	
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	%	100%	
3	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>DVC</i>	<i>70</i>	
	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>DVC</i>	<i>70</i>	
3.1	<i>Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)</i>	<i>%</i>	<i>100%</i>	
	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>DVC</i>	<i>42</i>	
	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>DVC</i>	<i>42</i>	
3.2	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	<i>100%</i>	
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>18</i>	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>18</i>	